

Số: 172 / TB- ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 10 năm 2015

THÔNG BÁO

V/v kiểm tra đối chiếu danh sách SV được hưởng miễn, giảm học phí
Học kỳ 1 năm học 2015- 2016
Đối với sinh viên hệ đại học chính quy tập trung dài hạn

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và của Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010- 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010- 2011 đến năm học 2014 – 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ vào thông báo số 145/TB-ĐHKTCN ngày 21/8/2015 về việc nộp hồ sơ để hưởng miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2015- 2016;

Căn cứ danh sách hưởng chế độ miễn, giảm học kỳ II năm học 2014-2015 và kết quả xét duyệt hồ sơ bổ sung; Nhà trường lập danh sách sinh viên trong diện được hưởng miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2015 – 2016 gửi xuống các lớp sinh viên tự đối chiếu (có danh sách kèm theo trên website phòng công tác HSSV).

Đề nghị Ban chủ nhiệm các Khoa, Trưởng bộ môn trực thuộc trường, giáo viên chủ nhiệm-Cố vấn học tập triển khai thông báo này tới từng lớp và hướng dẫn cho sinh viên hệ đào tạo chính quy được biết và thực hiện. Nếu có trường hợp nào cần thắc mắc thay đổi, xin phản hồi ngay về phòng Công tác HSSV (Trung tâm tư vấn SV- Phòng 104- Nhà A6).

Thời gian phản hồi chậm nhất đến ngày 20/10/2015, nếu quá thời gian quy định nhà trường không chịu trách nhiệm giải quyết.

Nơi nhận:

- Các Khoa; GV chủ nhiệm các lớp;
- Website trường;
- Lưu: VT; P.CTHSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT
CÔNG NGHIỆP
THÁI NGUYÊN
PGS.TS. Trần Xuân Minh

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ****HỌC KỲ I NĂM HỌC 2015-2016***Kèm theo thông báo số 172 ngày 8 tháng 10 năm 2015*

TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Mã HB	Khoa
1	DTK1151020208	Ta Hồng	Thái	K47HTĐ.01	CBB-13	Điện
2	DTK1151020047	Hứa Đức	Tùng	K47HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
3	DTK1151020177	Nguyễn Trung	Đức	K47HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
4	DTK1151020468	Trịnh Quang	Việt	K47HTĐ.01	CTB-08	Điện
5	DTK1151020031	Triệu Văn	Mạc	K47HTĐ.01	HNGHEODT	Điện
6	DTK1151020037	Mai Đức	Nhâm	K47TĐH.01	CBB-12	Điện
7	DTK1151020050	Nguyễn Chí	Trung	K47TĐH.01	CBB-13	Điện
8	DTK1151020129	Hoàng Thị Thu	Hương	K47TĐH.01	CNHH	Điện
9	DTK1151020494	Nguyễn Văn	Đai	K47TĐH.02	CTB-08	Điện
10	DTK1151020500	Kiều Ngọc	Dũng	K47TĐH.02	CTB-08	Điện
11	DTK1151020213	Hoàng Văn	Thiết	K47TĐH.03	CBB-13	Điện
12	DTK1151020089	Lục Thị	Mai	K47TĐH.03	CNGHEODT	Điện
13	DTK1151020206	Lương Văn	Tài	K47TĐH.03	CNGHEODT	Điện
14	DTK1151020078	Lê Võ	Hoàn	K47TĐH.03	CNHH	Điện
15	DTK1151020290	Bùi Việt	Anh	K47TĐH.04	MOCOI	Điện
16	DTK1151020166	Nguyễn Anh	Tuấn	K47TBĐ.01	CNGHEODT	Điện
17	DTK1151020229	Nguyễn Duyên	Vũ	K47TBĐ.01	CNGHEODT	Điện
18	DTK1151020134	Lưu Sỹ	Huấn	K47TBĐ.01	CTB-08	Điện
19	K125520201309	Nguyễn Văn	Thành	K48HTĐ.01	CBB-13	Điện
20	K125520201033	Ngô Văn	Mạnh	K48HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
21	K125520201071	Vì Văn	Đạt	K48HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
22	K125520201024	Đinh Quang	Huy	K48HTĐ.01	CTB-10	Điện
23	K125520201064	Nguyễn Thị	Tuyến	K48HTĐ.01	HNGHEODT	Điện
24	K125520201117	Nguyễn Kim	Thắng	K48KTĐ.01	CBB-12	Điện
25	K125520201150	Nguyễn Phúc	Thiêm	K48KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
26	K125520201087	Nguyễn Văn	Hào	K48KTĐ.01	CTB-08	Điện
27	K125520201040	Phổng Chàn	Phìn	K48KTĐ.01	HNGHEODT	Điện
28	K125520201200	Hoàng Văn	Nam	K48TĐH.01	CNGHEODT	Điện
29	K125520216100	Mai Hồng	Phương	K48TĐH.01	CNGHEODT	Điện
30	K125520216115	Lê Xuân	Bình	K48TĐH.01	CNGHEODT	Điện
31	K125520216036	Lê Trung	Lâm	K48TĐH.01	TNLĐ	Điện
32	K125520216026	Trương Thái	Hoàng	K48TĐH.02	BNN	Điện
33	K125520216212	Hoàng Đăng	Vượng	K48TĐH.02	CBB-13	Điện
34	K125520216233	Nguyễn Đức	Hiếu	K48TĐH.02	CBB-13	Điện

35	K125520216199	Triệu Đình	Thắng	K48TĐH.02	CNGHEODT	Điện
36	K125520216219	Liều Văn	Bảo	K48TĐH.02	CNGHEODT	Điện
37	K125520216200	Nguyễn Bá	Thêm	K48TĐH.02	CTB-08	Điện
38	K125520216049	Phạm Thành	Nam	K48TĐH.03	BNN	Điện
39	K125520216098	Trịnh Thị Kim	Thúy	K48TĐH.03	CBB-13	Điện
40	K125520216024	Nguyễn Hữu	Hưng	K48TĐH.03	CNHH	Điện
41	K125520216005	Ma Đình	Đưa	K48TĐH.03	HNGHEODT	Điện
42	K125520201263	Lương Văn	Huy	K48TBĐ.01	CNGHEODT	Điện
43	K125520201277	Đinh Văn	Phong	K48TBĐ.01	CNGHEODT	Điện
44	K125520201012	Hoàng Văn	Canh	K48TBĐ.01	HNGHEODT	Điện
45	K135520201163	Đặng Thanh	Ngọc	K49HTĐ.01	CBB-13	Điện
46	K135520201264	Nguyễn Hồng	Dương	K49HTĐ.01	CBB-13	Điện
47	K125520201042	Bùi Hồng	Sơn	K49HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
48	K135520201094	Lư Huy	Hoàng	K49HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
49	K125520201027	Nguyễn Trung	Kiên	K49HTĐ.01	CNHH	Điện
50	K135520201199	Thào A	Cở	K49HTĐ.01	HNGHEODT	Điện
51	K125580205061	Hà Thị	Thảo	K49HTĐ.01	MOCOI	Điện
52	K125520201023	Dương Văn	Hoàng	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
53	K135520201004	Hoàng Văn	Cương	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
54	K135520201058	Lý Mạnh	Tiến	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
55	K135520201060	Hồ Thị	Trang	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
56	K135520201064	Hoàng Thanh	Vinh	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
57	K135520201074	Hoàng Anh	Chiến	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
58	K125520201018	Nguyễn Hữu	Hà	K49KTĐ.01	CTB-08	Điện
59	K135520201091	Hoàng Mạnh	Hưng	K49KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
60	K135520201160	Nguyễn Thị	Ly	K49KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
61	K135520201173	Chu Văn	Sơn	K49KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
62	K135520201189	Đào Minh	Tuấn	K49KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
63	K135520201205	Nguyễn Văn	Đoạt	K49KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
64	K135520201099	Triệu Thị	Nga	K49KTĐ.02	HNGHEODT	Điện
65	K135520201180	Đỗ Thị	Thanh	K49KTĐ.02	HNGHEODT	Điện
66	K135520201182	Nông Thị	Thoa	K49KTĐ.02	HNGHEODT	Điện
67	K135520201247	Nguyễn Văn	Toàn	K49KTĐ.03	CNGHEODT	Điện
68	K135520216025	Nguyễn Việt	Hoàng	K49TĐH.01	BNN	Điện
69	K135520216022	Đàm Thành	Hoàng	K49TĐH.01	CNGHEODT	Điện
70	K135520216037	Hoàng Văn	Nhi	K49TĐH.01	CNGHEODT	Điện
71	K135520216032	Lục Thị	Lanh	K49TĐH.01	HNGHEODT	Điện
72	K135520216077	Ngô Văn	Hiếu	K49TĐH.02	CNGHEODT	Điện
73	K135520216095	Lý Văn	Ngân	K49TĐH.02	CNGHEODT	Điện

74	K135520216114	Nguyễn Xuân	Tuân	K49TĐH.02	CNGHEODT	Điện
75	K135520216119	Trần Thị	Tuyên	K49TĐH.02	CNGHEODT	Điện
76	K135520216086	Lộc Thị Mỹ	Linh	K49TĐH.02	HNGHEODT	Điện
77	K135520216130	Nguyễn Tùng	Dương	K49TĐH.03	BNN	Điện
78	K135520216155	Trương Văn	Lập	K49TĐH.03	CBB-12	Điện
79	K135520216156	Nguyễn Văn	Manh	K49TĐH.03	CNGHEODT	Điện
80	K135520216159	Hoàng Văn	Nghĩa	K49TĐH.03	CNGHEODT	Điện
81	K135520216171	La Thị	Thủy	K49TĐH.03	CNGHEODT	Điện
82	K135520216175	Lưu Đình	Tuất	K49TĐH.03	CNGHEODT	Điện
83	K135520216141	Dương Thanh	Hải	K49TĐH.03	CTB-08	Điện
84	K135520216165	Diệp Văn	Sinh	K49TĐH.03	HNGHEODT	Điện
85	K135520216122	Đỗ Việt	Anh	K49TĐH.03	TNLD	Điện
86	K135520216262	Trần Công	Thành	K49TĐH.04	CBB-13	Điện
87	K135520216249	Trần Văn	Phi	K49TĐH.04	CNGHEODT	Điện
88	K125520201014	Lăng Văn	Chỉ	K49TĐĐ.01	CNGHEODT	Điện
89	K145520201027	Nguyễn Trung	Hiếu	K50HTĐ.01	BNN	Điện
90	K145520201154	Hoàng Văn	Thắng	K50HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
91	K145520201182	Vũ Văn	Giang	K50HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
92	K145520201233	Lý Thị	Thái	K50HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
93	K145520201004	Hoàng Văn	Diệp	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
94	K145520201006	Lý Trung	Đức	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
95	K145520201011	Lý Văn	Cương	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
96	K145520201019	Ngô Thị Linh	Hương	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
97	K145520201193	Chu Thanh	Hưng	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
98	K145520201248	Vũ Mạnh	Hùng	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
99	K145520201031	Trần Thị Khánh	Hòa	K50KTĐ.01	HNGHEODT	Điện
100	K145520201124	Nguyễn Đức	Manh	K50KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
101	K145520201163	Lăng Quang	Vũ	K50KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
102	K145520201234	Hoàng Công	Thành	K50KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
103	K145520201244	Lâm Thu	Vượng	K50KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
104	K145520201115	Phùng Văn	Huynh	K50KTĐ.02	HNGHEODT	Điện
105	K145520201132	Nguy Văn	Phương	K50KTĐ.02	HNGHEODT	Điện
106	K145520216011	Lê Văn	Chung	K50TĐH.01	CNGHEODT	Điện
107	K145520216122	Mạc Anh	Tuấn	K50TĐH.02	BNN	Điện
108	K145520216121	Nguyễn Văn	Tuân	K50TĐH.02	CNGHEODT	Điện
109	K145520216130	Tàng Văn	Thịnh	K50TĐH.02	CNGHEODT	Điện
110	K145520216250	Đặng Văn	Nam	K50TĐH.03	CBB-13	Điện
111	K135520201044	Nguyễn Xuân	Nguyên	K51ĐĐT.01	CTB-08	Điện
112	K155520201076	Lý Thị Phương	Hà	K51ĐĐT.02	CNGHEODT	Điện

113	K155520201083	Hoàng Thị	Huệ	K51ĐĐT.02	CNGHEODT	Điện
114	K155520201221	Trần Thị	Quế	K51ĐĐT.04	CNGHEODT	Điện
115	K155520201225	Đào Duy	Thanh	K51ĐĐT.04	CNGHEODT	Điện
116	K155520201226	Nguyễn Khắc	Thành	K51ĐĐT.04	CTB-08	Điện
117	K155520216071	Chu Thị	ánh	K51ĐKT.02	CNGHEODT	Điện
118	K155520216086	Ma Quang	Hạ	K51ĐKT.02	CNGHEODT	Điện
119	K155520216139	La Văn	Chương	K51ĐKT.03	HNGHEODT	Điện
120	K155520216259	Đỗ Văn	Tuân	K51ĐKT.04	MOCOI	Điện
121	K155520216273	Lường Thị	Đinh	K51ĐKT.05	CNGHEODT	Điện
122	K155520216299	Nông Văn	Tiến	K51ĐKT.05	CNGHEODT	Điện
123	K155520207081	Hoàng Văn	Hùng	K51ĐTT.02	CNGHEODT	Điện
124	11511442001	Lã Quý Trọng	Đào	LT14 HTĐ.01	CTB-08	Điện
125	DTK1151030032	Hoàng Thị	Linh	K47ĐĐK.01	CNGHEODT	Điện tử
126	DTK1151030061	Khúc Xuân	Đồng	K47ĐĐK.01	CNGHEODT	Điện tử
127	DTK1151030118	Hoàng Thị	Điệp	K47ĐĐK.01	CNGHEODT	Điện tử
128	DTK1151030027	Đàm Văn	Hưng	K47ĐĐK.01	HNGHEODT	Điện tử
129	DTK1151030142	Trần Văn	Mười	K47ĐĐK.02	CNGHEODT	Điện tử
130	DTK1151030205	Hoàng Trung	Nghĩa	K47ĐĐK.02	CNGHEODT	Điện tử
131	DTK1151030210	Nguyễn Văn	Sáng	K47ĐĐK.02	CNGHEODT	Điện tử
132	DTK1151030214	Lý Thị	Thanh	K47ĐĐK.02	CNGHEODT	Điện tử
133	DTK1151030201	Nguyễn Thiện	Long	K47ĐĐK.02	MOCOI	Điện tử
134	DTK1151030192	Lù Văn	Hùng	K47ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
135	DTK1151030035	Vũ Tiến	Mạnh	K47ĐVT.01	TNLĐ	Điện tử
136	DTK1151010279	Dương Văn	Chiến	K47CĐT.01	CBB-13	Điện tử
137	DTK1151010423	Hoàng Văn	Tiếp	K47CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
138	DTK1151010326	Hoàng Trọng	Đan	K47CĐT.01	CTB-08	Điện tử
139	DTK1151010314	Phạm Văn	Thịnh	K47CĐT.01	CTB-09	Điện tử
140	DTK1151010148	Lê Trung	Sơn	K47CĐT.01	MOCOI	Điện tử
141	DTK1151030008	Ma Khánh	Cương	K47KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
142	DTK1151030025	Lành Văn	Hiếu	K47KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
143	DTK1151030060	Hứa Tiến	Đạt	K47KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
144	DTK1151030005	Đặng Văn	Biên	K47KĐT.01	CTB-08	Điện tử
145	DTK1151030052	Dương Thanh	Tùng	K47KĐT.01	CTB-08	Điện tử
146	DTK1151030122	Ninh Văn	Chung	K47KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
147	DTK1151030091	Nguyễn Như	Lai	K47KĐT.01	TNLĐ	Điện tử
148	DTK1151030165	Chu Thị Hải	Truyền	K47KĐT.02	CNGHEODT	Điện tử
149	DTK1151030315	Ngô Thị	Xuân	K47KĐT.02	CNGHEODT	Điện tử
150	DTK1151030230	Hoàng Văn	Đức	K47KĐT.02	CTB-08	Điện tử
151	DTK1151030166	Trịnh Thanh	Tuấn	K47KĐT.02	HNGHEODT	Điện tử

152	DTK1151030004	Phương Văn	Anh	K47KMT.01	CNGHEODT	Điện tử
153	DTK1151020441	Dương Đình	Quang	K48ĐĐK.01	CBB-13	Điện tử
154	K125520216141	Hoàng Văn	Mùi	K48ĐĐK.01	HNGHEODT	Điện tử
155	DTK1151030144	Hoàng Văn	Nam	K48ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
156	K125520207011	Hoàng Thị	Hậu	K48ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
157	K125520207066	Lâm Văn	Hoàn	K48ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
158	K125520207025	Hoàng Văn	Sim	K48ĐVT.01	HNGHEODT	Điện tử
159	K125520207048	Dương Văn	Bảo	K48ĐVT.01	HNGHEODT	Điện tử
160	K125520114028	Nông Văn	Long	K48CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
161	K125520114032	Nguyễn Thị	Niên	K48CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
162	K125520114033	Lăng Văn	Nuôi	K48CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
163	K125520114039	Nông Văn	Thiệp	K48CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
164	K125520114049	Trình Anh	Tuấn	K48CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
165	K125520114108	Nông Quốc	Vương	K48CĐT.01	CTB-08	Điện tử
166	K125520114007	Sầm Văn	Công	K48CĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
167	K125520114063	Triệu Xuân	Anh	K48CĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
168	K125520114016	Phạm Duy	Hùng	K48CĐT.01	TNLĐ	Điện tử
169	K125520114020	Nguyễn Trung	Hiếu	K48CĐT.01	TNLĐ	Điện tử
170	K125520207053	Nguyễn Thị	Cúc	K48KĐT.01	CBB-13	Điện tử
171	K125520207016	Vi Thị	Huệ	K48KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
172	K125520207001	Lâm Việt	Đại	K48KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
173	DTK1151030012	Mỗ Văn	Dậu	K48KMT.01	CNGHEODT	Điện tử
174	DTK1151030090	Nông Văn	Lâm	K48KMT.01	CNGHEODT	Điện tử
175	K125520207059	Nguyễn Thị	Hương	K48KMT.01	CTB-08	Điện tử
176	K135520207007	Nguyễn Đình	Đạm	K49ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
177	K135520207009	Trần Văn	Giang	K49ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
178	K125520207122	Sùng Thị	Xú	K49ĐVT.01	HNGHEODT	Điện tử
179	K135520207039	Hoàng Thị	Sao	K49ĐVT.01	HNGHEODT	Điện tử
180	K135520207060	Hoàng Ngọc	Hà	K49ĐVT.01	HNGHEODT	Điện tử
181	K135520114009	Hoàng Văn	Chuyên	K49CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
182	K135520114048	Nguyễn Thị	Thuyết	K49CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
183	K135520114079	Lê Văn	Hiếu	K49CĐT.01	CTB-09	Điện tử
184	K135520114042	Từ Văn	Sáng	K49CĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
185	K135520114017	Đàm Văn	Hào	K49CĐT.01	MOCOI	Điện tử
186	K125520207116	Hoàng Thanh	Sơn	K49KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
187	K135520207019	Vi Thị	Hội	K49KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
188	K135520207077	Phùng Thị	Miên	K49KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
189	K135520207084	Lý Văn	Thái	K49KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
190	K135520207090	Nông Văn	Thọ	K49KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử

191	K135520207005	Triều Ngọc	Dính	K49KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
192	K135520207069	Lục Thi	Hiền	K49KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
193	K135520207073	Bế Thị	Khuyên	K49KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
194	K135520207002	Hoàng Văn	Cường	K49KMT.01	CNGHEODT	Điện tử
195	K135520214010	Ma Khánh	Thành	K49KMT.01	CNGHEODT	Điện tử
196	K135520214007	Đình Tiến	Mỹ	K49KMT.01	CNHH	Điện tử
197	K135520214013	Nguyễn Anh	Tuấn	K49KMT.01	CTB-08	Điện tử
198	K135520214055	Nguyễn Duy	Thắng	K49KMT.01	CTB-08	Điện tử
199	K135520214005	Nguyễn Văn	Hiếu	K49KMT.01	HNGHEODT	Điện tử
200	K145520216036	Phạm Quang	Mạnh	K50ĐĐK.01	TNLD	Điện tử
201	K145520207014	Dương Hồng	Hạnh	K50ĐVT.01	BNN	Điện tử
202	K145520207091	Vũ Xuân	Tuấn	K50ĐVT.01	CBB-14	Điện tử
203	K145520207151	Chu Thanh	Hiền	K50ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
204	K145520207106	Lương Thị	Yến	K50ĐVT.01	HNGHEODT	Điện tử
205	K145520114026	Lê Hải	Lâm	K50CĐT.01	CBB-13	Điện tử
206	K145520114061	Lâm Hồng	Thuyền	K50CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
207	K145520114109	Hoàng Văn	Trường	K50CĐT.02	CTB-08	Điện tử
208	K145520207045	Diệp Đình	Thật	K50KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
209	K145520207088	Lý Văn	Tùng	K50KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
210	K145520207033	Dương Thị Minh	Tâm	K50KĐT.01	CTB-08	Điện tử
211	K145520207048	Lý Thị	Thùy	K50KĐT.01	CTB-08	Điện tử
212	K145520207078	Trần Văn	Lý	K50KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
213	K145520207107	Trịnh Đức	Anh	K50KĐT.01	TNLD	Điện tử
214	K145520214016	Đỗ Như	Bính	K50KMT.01	HNGHEODT	Điện tử
215	K155520114041	Mông Văn	Quang	K51CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
216	K155520114085	Nguyễn Minh	Hiếu	K51CĐT.02	CTB-08	Điện tử
217	K155520214009	Ngô Thành	Tân	K51KMT.01	CTB-08	Điện tử
218	DTK1151010113	Bùi Minh	Đức	K47CCM.01	CBB-13	Cơ khí
219	DTK1151010638	Phạm Minh	Thành	K47CCM.01	CBB-13	Cơ khí
220	DTK1151010322	Đỗ Tiến	Việt	K47CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
221	DTK1151010647	Nguyễn Thanh	Tuấn	K47CCM.01	CTB-08	Cơ khí
222	DTK1151010304	Vì Văn	Pháo	K47CCM.02	CNGHEODT	Cơ khí
223	DTK1151010318	La Văn	Tuyến	K47CCM.02	CNGHEODT	Cơ khí
224	DTK1151010541	Trần Xuân	Vinh	K47CCM.02	MOCOI	Cơ khí
225	DTK1151010596	Bùi Minh	Tuấn	K47CCM.02	MOCOI	Cơ khí
226	DTK1151010142	Trần Văn	Phương	K47CCM.02	TNLD	Cơ khí
227	DTK1151010042	Luân Văn	Thảo	K47CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
228	DTK1151010180	Bế Văn	Hợp	K47CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
229	DTK1151010410	Đình Cao	Nguyên	K47CCM.03	CTB-08	Cơ khí

230	DTK1151010527	Ngô Minh	Thuần	K47CCM.03	CTB-09	Cơ khí
231	DTK1151010376	Nguyễn Anh	Tuấn	K47CCM.03	HNGHEODT	Cơ khí
232	DTK1151010701	Hoàng Văn	Toản	K47CCM.03	HNGHEODT	Cơ khí
233	DTK1151010015	Nguyễn Văn	Giang	K47CCM.04	CNGHEODT	Cơ khí
234	DTK1151010268	Bùi Văn	Vấn	K47CCM.04	CNGHEODT	Cơ khí
235	DTK1151010375	Phan Văn	Tuấn	K47CCM.04	CNGHEODT	Cơ khí
236	DTK1151010480	Lâm Văn	Tiến	K47CCM.04	CNGHEODT	Cơ khí
237	DTK1151010511	Ân Văn	Quân	K47CCM.04	CNGHEODT	Cơ khí
238	DTK1151010103	Nguyễn Văn	Trường	K47CCM.04	CTB-08	Cơ khí
239	DTK1151010417	Đàm Duy	Tĩnh	K47CCM.04	HNGHEODT	Cơ khí
240	DTK1151010696	Đinh Văn	Thiết	K47CCM.05	CNGHEODT	Cơ khí
241	DTK1151010072	Nguyễn Văn	Hải	K47CCM.05	CNHH	Cơ khí
242	DTK1151010632	Nông Hoàng	Nam	K47KCK.01	CNGHEODT	Cơ khí
243	DTK1151010493	Nguyễn Quốc	Công	K47KCK.01	CTB-08	Cơ khí
244	DTK1151010528	Đinh Văn	Thuyết	K47KCK.01	CTB-09	Cơ khí
245	DTK1151010682	Phạm Văn	Nam	K47KCK.01	HNGHEODT	Cơ khí
246	DTK1151010714	Nguyễn Đình	Manh	K47KCK.01	TNLĐ	Cơ khí
247	K125520103216	Phạm Văn	Thọ	K48CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
248	K125520103229	Lưu Văn	Vũ	K48CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
249	K125520103224	Nguyễn Anh	Trường	K48CCM.01	CTB-10	Cơ khí
250	K125520103181	Triệu Tiến	Dũng	K48CCM.01	HNGHEODT	Cơ khí
251	K125520103236	Lương Văn	Độ	K48CCM.01	HNGHEODT	Cơ khí
252	K125520103303	Hoàng Văn	Quyết	K48CCM.01	HNGHEODT	Cơ khí
253	DTK1151010094	Ma Quốc	Thống	K48CCM.02	CNGHEODT	Cơ khí
254	K125520103401	Lục Văn	Tùng	K48CCM.02	HNGHEODT	Cơ khí
255	K125520103210	Nguyễn Quốc	Quyên	K48CCM.02	TNLĐ	Cơ khí
256	DTK1151010245	Lý Trọng	Nguyên	K48CLK.01	CNGHEODT	Cơ khí
257	K125520103121	Nguyễn Văn	Cường	K48CLK.01	CNGHEODT	Cơ khí
258	K125520103366	Liễu Văn	Lộc	K48CLK.01	CNGHEODT	Cơ khí
259	DTK1151010237	Nguyễn Duy	Hưng	K48KCK.01	BNN	Cơ khí
260	K125520103018	Nông Văn	Hồi	K48KCK.01	CBB-13	Cơ khí
261	K125520103425	Ngô Trung	Đức	K48KCK.01	CBB-13	Cơ khí
262	K125520103172	Hoàng Văn	Vũ	K48KCK.01	CNGHEODT	Cơ khí
263	DTK1151010225	Lương Tuấn	Anh	K48KCK.01	CTB-08	Cơ khí
264	K125520103207	Hoàng Văn	Nhớ	K48KCK.01	HNGHEODT	Cơ khí
265	K135520103036	Lò Văn	Mai	K49CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
266	K135520103038	Phó Chí	Minh	K49CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
267	K135520103040	Hoàng Văn	Nam	K49CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
268	K135520103054	Dương Văn	Thắng	K49CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí

269	K135520103082	Lê Văn	Duy	K49CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
270	K135520103093	Triệu Văn	Hưng	K49CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
271	K135520103105	La Văn	Khang	K49CCM.01	HNGHEODT	Cơ khí
272	K135520103187	Lâm Văn	Lực	K49CCM.02	CNGHEODT	Cơ khí
273	K135520103112	Đỗ Tiến	Mạnh	K49CCM.02	CTB-08	Cơ khí
274	K135520103234	Bùi Minh	Đức	K49CCM.03	BNN	Cơ khí
275	K135520103217	Hoàng Anh	Tuấn	K49CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
276	K135520103218	Lương Văn	Tuynh	K49CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
277	K135520103219	Ma Công	Vương	K49CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
278	K135520103264	Nông Văn	Phương	K49CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
279	K135520103268	Phan Văn	Ta	K49CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
280	K135520103480	Nguyễn	Khánh	K49CCM.04	BNN	Cơ khí
281	K135520103436	Hoàng Ngọc	Tiến	K49CCM.04	CBB-12	Cơ khí
282	K135520103510	Bùi Văn	Thanh	K49CCM.04	CBB-13	Cơ khí
283	K135520103368	Đinh Văn	Đạt	K49CCM.04	CNGHEODT	Cơ khí
284	K135520103420	Hoàng Thái	Son	K49CCM.04	CTB-09	Cơ khí
285	K125520103008	Nguyễn Việt	Dũng	K49KC.02	CTB-08	Cơ khí
286	K135520103399	Nguyễn Mạnh	Huy	K49KGT.01	CTB-08	Cơ khí
287	K135520103003	Lại Văn	Bảo	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
288	K135520103015	Ninh Văn	Giang	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
289	K135520103046	Hoàng Liên	Son	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
290	K135520103113	Nông Văn	Năng	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
291	K135520103152	Hứa Văn	Ba	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
292	K135520103229	Nguyễn Thanh	Duy	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
293	K135520103251	Hoàng Bảo	Khanh	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
294	K135520103254	Ma Tiến	Linh	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
295	K135520103445	Triệu Tuấn	Vũ	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
296	K145520309016	Ninh Văn	Bính	K50CVL.01	CNGHEODT	Cơ khí
297	K145520309022	Lâm Văn	Duy	K50CVL.01	CNGHEODT	Cơ khí
298	K145520309032	Hoàng Văn	Ly	K50CVL.01	CNGHEODT	Cơ khí
299	K145520309040	Triệu Văn	Bính	K50CVL.01	CNGHEODT	Cơ khí
300	K145520103053	Nguyễn Bảo	Tùng	K50KC.01	BNN	Cơ khí
301	K145520103024	Lê Đình	Hoàng	K50KC.01	CBB-12	Cơ khí
302	K145520103077	Nguyễn Văn	Vĩnh	K50KC.01	CBB-13	Cơ khí
303	K145520103005	Hoàng Tuấn	Anh	K50KC.01	CNGHEODT	Cơ khí
304	K145520103037	Lâm Văn	Mai	K50KC.01	CNGHEODT	Cơ khí
305	K145520103050	Nguyễn Thanh	Son	K50KC.01	CNGHEODT	Cơ khí
306	K145520103061	Lục Văn	Tuấn	K50KC.01	CNGHEODT	Cơ khí
307	K145520103151	Vũ Đình	Việt	K50KC.02	CTB-08	Cơ khí

308	K145520103101	Hoàng Văn	Hòa	K50KC.02	HNGHEODT	Cơ khí
309	K145520103157	Ngô Việt	Anh	K50KC.03	TNLD	Cơ khí
310	K145520103240	Hoàng Văn	Dương	K50KC.04	CNGHEODT	Cơ khí
311	K145520103288	Lưu Văn	Tuấn	K50KC.04	CNGHEODT	Cơ khí
312	K145520103303	Đinh Quốc	Việt	K50KC.04	CNGHEODT	Cơ khí
313	K145520103371	Nguyễn Văn	Phán	K50KC.05	CNHH	Cơ khí
314	K145520103375	Vi Văn	Tăng	K50KC.05	HNGHEODT	Cơ khí
315	K155520103199	Triệu Văn	Thục	K51KC.03	HNGHEODT	Cơ khí
316	K155520103310	Nông Thị	Tâm	K51KC.05	HNGHEODT	Cơ khí
317	11511311002	Đặng Xuân	Lượng	LT13 CTM.01	CTB-09	Cơ khí
318	11511311005	Dương Tuấn	Trường	LT13 CTM.01	CTB-10	Cơ khí
319	K125510604050	La Kim	Oanh	K48KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
320	K125510604057	Chu Thị	Hòa	K48KTN.01	CTB-08	Kinh tế Công nghiệp
321	K125510604026	Nguyễn Thị Nhã	Phương	K48KTN.01	HNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
322	K125510604027	Phạm Thị	Quyên	K48KTN.01	HNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
323	K125510601012	Đàm Thị	Huế	K48QLC.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
324	K125510601051	Hoàng Kim	Tứ	K48QLC.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
325	K125510601049	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	K48QLC.01	TNLD	Kinh tế Công nghiệp
326	K135510604008	Phạm Thị	Hằng	K49KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
327	K135510604022	Lý Thu	Huyền	K49KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
328	K135510604045	Nguyễn Thị Tố	Uyên	K49KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
329	K135510604075	Vi Thị	Linh	K49KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
330	K135510604091	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K49KTN.01	TNLD	Kinh tế Công nghiệp
331	K135510604015	Hoàng Thị	Hiền	K49QTN.01	HNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
332	K135510604089	Lăng Thu	Thảo	K49QTN.01	HNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
333	K145510604031	Nguyễn Thị Trà	My	K50KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
334	K145510604044	Bùi Thị Thanh	Thúy	K50KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
335	K155510604028	Hà Quyết	Thức	K51KTN.01	CTB-08	Kinh tế Công nghiệp
336	K155510604011	Phùng Văn	Hoàng	K51KTN.01	HNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
337	K155510601004	Triệu Thị	Quyến	K51QLC.01	CNGHEODT	Kinh tế Công nghiệp
338	11511475003	Hoàng Thị Phương	Hoa	LT14 KTN.01	TNLD	Kinh tế Công nghiệp
339	DTK1151010098	Hồ Văn	Tùng	K1 CN-KTO.01	CNGHEODT	KT Ô tô & Máy Động lực
340	K125520103094	Đặng Anh	Quân	K1 CN-KTO.01	CNGHEODT	KT Ô tô & Máy Động lực
341	DTK1151010145	Triệu Phúc	Quang	K1 CN-KTO.01	HNGHEODT	KT Ô tô & Máy Động lực
342	K145510205017	Toàn Việt	Chung	K2 CN-KTO.01	CNGHEODT	KT Ô tô & Máy Động lực
343	K145510205018	Nguyễn Thành	Chung	K2 CN-KTO.01	CNGHEODT	KT Ô tô & Máy Động lực
344	K145510205070	Lương Văn	Chiến	K2 CN-KTO.01	CNGHEODT	KT Ô tô & Máy Động lực
345	K145510205003	Lê Khắc	Đại	K2 CN-KTO.01	CTB-08	KT Ô tô & Máy Động lực
346	K145510205031	Sầm Văn	Lương	K2 CN-KTO.01	HNGHEODT	KT Ô tô & Máy Động lực

347	K145510205040	Liều Văn	Nguyên	K2 CN-KTO.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
348	K145510205079	Lương Trung	Hoàng	K2 CN-KTO.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
349	DTK1151010421	Nông Đức	Thiên	K47CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
350	DTK1151010010	Phan Tuấn	Cường	K47CĐL.01	CNHH	KT Ôtô & Máy Động lực
351	DTK1151010021	Bùi Văn	Hùng	K47CĐL.01	CTB-09	KT Ôtô & Máy Động lực
352	DTK1151010600	Bùi Văn	An	K48CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
353	K125520103162	Vi Văn	Thịnh	K48CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
354	K125520103198	Phạm Quang	Huy	K48CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
355	K125520103203	Lương Văn	Mai	K48CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
356	K125520103277	Vi Văn	Hiếu	K48CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
357	DTK1151010258	Hoàng Văn	Thuận	K48CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
358	K125520103013	Bàng Trung	Đức	K48CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
359	K125520103030	Lưu Tiến	Mạnh	K48CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
360	K125520103211	Hà Minh	Sơn	K48CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
361	K135520103287	Trương Anh	Tuấn	K49CĐL.01	CBB-12	KT Ôtô & Máy Động lực
362	K135520103118	Lao Văn	Nguyên	K49CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
363	K135520103188	Nguyễn Văn	Lục	K49CĐL.01	CTB-08	KT Ôtô & Máy Động lực
364	K125520103337	Tổng Văn	Đông	K49CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
365	K135520103267	Hoàng Ngọc	Sơn	K49CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
366	K145905228012	Hoàng Minh	Thắng	K50CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
367	K145520103307	Đỗ Xuân	Trưởng	K50CĐL.01	CTB-08	KT Ôtô & Máy Động lực
368	K145520103209	Lý Văn	Tú	K50CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
369	K145520103272	Viên Văn	Nhượng	K50CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
370	K155510205007	Nông Mạnh	Cường	K51CN- KTO.0	CNGHEODT	KT Ôtô & Máy Động lực
371	K155510205040	Dương Ngọc	Nguyên	K51CN- KTO.0	CTB-10	KT Ôtô & Máy Động lực
372	DTK1151010337	Đông Đức	Dương	K47AP.M	BNN	Quốc tế
373	DTK1151020043	Hoàng Văn	Thịnh	K47AP.I	CNGHEODT	Quốc tế
374	K125520201116	Lăng Ngọc	Thành	K48AP.I	CNGHEODT	Quốc tế
375	K145905218006	Đàm Xuân	Duy	K50AP.M	CNGHEODT	Quốc tế
376	K145520320005	Lê Mỹ	Anh	K50AP.I	CTB-08	Quốc tế
377	DTK1151030159	Hứa Trường	Thọ	K1 CN-ĐĐT.01	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
378	DTK1151020318	Triệu Đại	Nghĩa	K1 CN-ĐĐT.03	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
379	DTK1151020292	Nguyễn Đức	Đích	K1 CN-ĐĐT.03	CNHH	Sư phạm Kỹ thuật
380	DTK1151030106	Bùi Văn	Thoại	K1 CN-ĐĐT.03	HNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
381	DTK1151010168	Bùi Văn	Anh	K1 CN-CTM.01	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
382	K145510301017	Lương Văn	Tuấn	K2 CN-ĐĐT.01	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
383	K145510301048	Lê Văn	Việt	K2 CN-ĐĐT.01	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
384	K145510301035	Đào Đức	Công	K2 CN-ĐĐT.01	CNHH	Sư phạm Kỹ thuật
385	K145510301077	Nguyễn Văn	Duệ	K2 CN-ĐĐT.02	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật

386	K145510301094	Nông Ngọc	Huy	K2 CN-ĐĐT.02	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
387	K145510301095	Trần Văn	Huỳnh	K2 CN-ĐĐT.02	CNGHEODT	Sư phạm Kỹ thuật
388	K145510202027	Nguyễn Thế	Anh	K2 CN-CTM.01	TNLD	Sư phạm Kỹ thuật
389	DTK1151040050	Nguyễn Thị	Thảo	K47KXC.01	CBB-13	Xây dựng và MT
390	DTK1151040001	Lê Ngọc	ánh	K47KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
391	DTK1151040006	Lê Chí	Cương	K47KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
392	DTK1151040012	Phan Văn	Dũng	K47KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
393	11411110401	Nguyễn Văn	Soái	K47KXC.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
394	DTK1151040036	Nông Trung	Minh	K47KXC.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
395	DTK1151040170	Dương Bảo	Tú	K47KXC.01	TNLD	Xây dựng và MT
396	DTK1151040105	Nguyễn Tuấn	Sơn	K47KXC.02	CBB-13	Xây dựng và MT
397	DTK1151040089	Hoàng Văn	Hiếu	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
398	DTK1151040098	Quân Thanh	Minh	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
399	DTK1151040099	Triệu Văn	Ngân	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
400	DTK1151040112	Hoàng Văn	Thoan	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
401	DTK1151040114	Bùi Văn	Tiêu	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
402	DTK1151040117	Lương Thanh	Tiến	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
403	DTK1151040133	Dương Thế	Duy	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
404	DTK1151040094	Trần Xuân	Lộc	K47KXC.02	CTB-08	Xây dựng và MT
405	DTK1151040148	Phùng Ngọc	Luân	K47KXC.02	HNGHEODT	Xây dựng và MT
406	K125520320063	Lê Thị	Yến	K48KTM.01	CBB-13	Xây dựng và MT
407	K125520320029	Nguyễn Tô	Hoàng	K48KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
408	K125520320042	Trương Văn	Quản	K48KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
409	K125520320060	Lương Minh	Trang	K48KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
410	K125520320064	Đinh Thị	Yến	K48KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
411	K125520320070	Hoàng Minh	Chiến	K48KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
412	K125520320048	Phạm Thị	Thương	K48KTM.01	CNHH	Xây dựng và MT
413	K125520320055	Nguyễn Thiên	Thu	K48KTM.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
414	K125580201033	Đoàn Ngọc	Long	K48KXC.01	BNN	Xây dựng và MT
415	K125580201077	Phạm Anh	Vũ	K48KXC.01	CBB-13	Xây dựng và MT
416	K125580201032	Quách Hoàng	Long	K48KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
417	K125580201040	Nông Khánh	Phát	K48KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
418	K125580201056	Dương Văn	Thiên	K48KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
419	K125580201067	Từ Xuân	Trường	K48KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
420	K125580201081	Nguyễn Văn	Dũng	K48KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
421	K125580201106	Ma Quốc	Hưng	K48KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
422	K125580201008	Triệu Xuân	Dũng	K48KXC.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
423	K125580201148	Lê Thanh	Tùng	K48KXC.02	CBB-13	Xây dựng và MT
424	DTK1151040072	Tân Văn	Dũng	K48KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT

425	K125580201167	Dương Văn	Hà	K48KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
426	DTK1151040129	Nguyễn Mạnh	Cường	K48KXC.02	HNGHEODT	Xây dựng và MT
427	K125580205010	Phạm Văn	Lân	K48KXG.01	CBB-13	Xây dựng và MT
428	K125580205033	Hứa Quang	Thảo	K48KXG.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
429	K125580205019	Lê Tuấn	Anh	K48KXG.01	CTB-10	Xây dựng và MT
430	K125580205012	Bàn Hữu	Quốc	K48KXG.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
431	K135520320016	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	K49KTM.01	BNN	Xây dựng và MT
432	K135520320035	Nguyễn Thị	Huyền	K49KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
433	K135520320056	Trần Ngọc	Sơn	K49KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
434	K135520320014	Nguyễn Thị	Giang	K49KTM.01	CTB-08	Xây dựng và MT
435	K135520320024	Ma Văn	Hội	K49KTM.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
436	K135520320037	Giàng Seo	Lâu	K49KTM.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
437	K135580201003	Nguyễn Quỳnh	Anh	K49KXC.01	BNN	Xây dựng và MT
438	K135580201011	Nguyễn Đình	Đắc	K49KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
439	K135580201023	Nguyễn Văn	Huy	K49KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
440	K135580201037	Lô Văn	Tâm	K49KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
441	K135580201043	Sinh A	Trống	K49KXC.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
442	K135580201063	Hoàng Thanh	Duy	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
443	K135580201065	Triệu Đình	Đề	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
444	K135580201074	Bàn Văn	Hiển	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
445	K135580201081	Phạm Đức	Luân	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
446	K135580201098	Ma Văn	Tuân	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
447	K135580201160	Đào Thị	Thư	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
448	K135580201078	Nguyễn Văn	Khánh	K49KXC.02	CTB-08	Xây dựng và MT
449	K135580201161	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	K49KXC.02	CTB-08	Xây dựng và MT
450	K135580201053	Ma Đức	Anh	K49KXC.02	HNGHEODT	Xây dựng và MT
451	K145520320004	Hoàng Cao	An	K50KTM.01	CTB-08	Xây dựng và MT
452	K145520320006	Lương Thị	Anh	K50KTM.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
453	K145520320105	Trần Thị	Nhàn	K50KTM.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
454	K145520320024	Hà Thị Thu	Hường	K50KTM.01	TNLD	Xây dựng và MT
455	K145520320104	Nguyễn Tiến	Thuận	K50KTM.01	TNLD	Xây dựng và MT
456	K145580201018	Lê Duy	Hoài	K50KXC.01	CTB-08	Xây dựng và MT
457	K145905218001	Ma Công	An	K50KXC.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT

Ấn định: 457 sinh viên.